



Australian Government
Department of Home Affairs

Hướng dẫn nộp hồ sơ xin thị thực kết hôn (kết hợp diện thị thực 309/100) và thị thực hứa hôn (diện thị thực 300) cho Việt Nam

Chú ý quan trọng:

- Xin lưu ý rằng tất cả các tài liệu ngoại ngữ được gửi cùng với đơn đăng kí của quý vị **phải** được đính kèm theo bản dịch Tiếng Anh được chứng nhận.
- Một trong các loại tài liệu sau sẽ được chấp nhận khi gửi cùng với đơn của quý vị:
 - Một bản sao được chứng thực của một tài liệu gốc, hoặc
 - Bản sao được scan hoặc bản sao điện tử của tài liệu gốc trong đó chất lượng quét tối thiểu là 300 dpi trong 24 màu và được lưu dưới dạng hình ảnh jpg hoặc tệp pdf ở cài đặt chất lượng tốt.
- Bản sao chứng thực phải được ủy quyền hoặc đóng dấu chứng nhận là bản sao thật của tài liệu gốc bởi chính quyền địa phương ở Việt Nam. Ở Úc, các tài liệu có thể được chứng nhận bởi một người có thẩm quyền xác nhận lời tuyên thệ trước pháp luật theo Bộ luật tuyên thệ 1959. Xem: www.ag.gov.au/Publications/Pages/Statutorydeclarations.aspx
- Không gửi bản sao các tài liệu được chứng nhận.

Nơi đăng kí:

- Quý vị phải nộp đơn xin thị thực trực tuyến bên ngoài Úc thông qua ImmiAccount
Xem: <https://immi.homeaffairs.gov.au/help-support/appending-online-or-on-apers/online>
- **Xin vui lòng không** gửi các bản sao cứng của tài liệu, tài liệu email hoặc liên hệ với văn phòng xử lý tại Việt Nam để hỏi nếu các tài liệu đã được nhận hay chưa.

Để biết thêm thông tin về:

- Cách đăng kí
- Lệ phí
- Thời gian xử lý
- Thu thập dữ liệu dữ liệu sinh trắc học
- Các vấn đề liên quan khác

Vui lòng tham khảo:

- **Câu hỏi thường gặp:** <https://hcmc.vietnam.embassy.gov.au/hchi/FAQs.html>
- **Sở Nội vụ:** <https://immi.homeaffairs.gov.au/thi-thuc/getting-a-thi-thuc/thi-thuc-listing>
- **Thêm thông tin về thị thực này:**
<https://immi.homeaffairs.gov.au/thi-thuc/getting-a-thi-thuc/thi-thuc-listing/partner-offoor/provisional-309>
<https://immi.homeaffairs.gov.au/thi-thuc/getting-a-thi-thuc/thi-thuc-listing/pros-perspective-marriage-300>

**Thị thực kết hôn (Kết hợp diện thị thực 309/100) và thị thực hứa hôn (diện thị thực 300)
 Danh mục tài liệu cần nộp**

* Đề nghị in danh mục tài liệu cần nộp này và đính kèm hồ sơ

Mẫu đơn bắt buộc	Đánh dấu nếu nộp	Chỉ dành cho sử dụng chính thức
Mẫu 47SP: Đơn xin đi Úc sang Úc bởi vợ/chồng		
Mẫu 40SP: Bảo trợ cho vợ/chồng đi Úc đến Úc		
<p>Nếu quý vị sử dụng Đại Diện Di Trú hoặc đại diện được ủy quyền:</p> <ul style="list-style-type: none"> Mẫu 956: https://immi.homeaffairs.gov.au/form-listing/forms/956.pdf Mẫu 965A: https://immi.homeaffairs.gov.au/formlisting/forms/956a.pdf <p>Lưu ý: Nếu người bảo trợ của quý vị cũng muốn sử dụng Đại Diện Di Trú hoặc ủy quyền đại diện, họ phải hoàn thành Mẫu 956/Mẫu 956A riêng biệt.</p>		
Phí đăng kí		
<p>Thanh toán lệ phí thị thực cơ sở. Nếu được yêu cầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> Thanh toán phí nộp đơn bổ sung (từ 18 tuổi trở lên) Thanh toán phí nộp đơn bổ sung (dưới 18 tuổi) <p>https://immi.homeaffairs.gov.au/thi-thuc/getting-a-thi-thuc/fees-and-chargees/civerse-thi-thuc-pricing/live</p>		
Nhận dạng và mối quan hệ giữa người bảo trợ và người nộp đơn		
<p>Một ảnh cỡ hộ chiếu (không cũ quá sáu tháng) của người nộp đơn chính, người bảo trợ và tất cả những người nộp đơn phụ thuộc khác.</p> <ul style="list-style-type: none"> Những bức ảnh này chỉ nên bao gồm phần mặt và vai, trên một phong nền đơn sắc. In tên của chủ ảnh ở mặt sau mỗi bức ảnh. 		
<p>Bản sao các trang hộ chiếu dữ liệu sinh học của người nộp đơn chính và tất cả các người nộp đơn phụ thuộc. Bản sao của các trang hộ chiếu cùng với thị thực hoặc tem xuất/nhập cảnh đối với Úc hoặc quốc gia khác, của người bảo trợ, người nộp đơn chính và tất cả các người nộp đơn phụ thuộc khác (NNĐPT). Vui lòng mang theo tất cả hộ chiếu gốc tại thời điểm nộp thị thực, nhờ đó chúng tôi có thể xác minh rằng các bản sao đều là bản sao thật của hộ chiếu gốc.</p>		
Bản sao công chứng Giấy khai sinh của người nộp đơn chính và các NNĐPT.		
Bản sao công chứng Chứng minh nhân dân của người nộp đơn chính và các NNĐPT (15 tuổi năm trở lên).		
Bản sao công chứng tất cả các trang của Sổ hộ khẩu của người nộp đơn.		

<p>Đối với người nộp đơn, và người đi Úc phụ thuộc ở độ tuổi trên 16:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Giấy chứng nhận của cảnh sát từ mỗi quốc gia mà họ (kể từ khi tròn 16 tuổi) đã cư trú tổng cộng 12 tháng trở lên trong 10 năm qua. Có bao gồm nơi cư trú hiện tại của những người nộp đơn. <p>Đối với người bảo trợ:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Nếu người bảo trợ đã từng có thời gian sống Úc kể từ khi tròn 16 tuổi, một Giấy chứng nhận cảnh sát Quốc gia từ Cảnh sát Liên bang Úc (Công bố đầy đủ); và • Giấy chứng nhận của cảnh sát từ mỗi quốc gia mà họ (kể từ khi tròn 16 tuổi) đã cư trú tổng cộng 12 tháng trở lên trong 10 năm qua. <p>Quan trọng: Thông tin về loại Giấy chứng nhận cảnh sát được yêu cầu từ các quốc gia khác đã được chỉ định tại liên kết này, chúng tôi sẽ không chấp nhận bất kỳ loại Chứng chỉ cảnh sát nào khác. Đối với Việt Nam, Yêu cầu Thẻ Hồ sơ Tư pháp số 2 do Sở Tư pháp địa phương cấp là cần thiết. Đối với Úc, Giấy chứng nhận của Cảnh sát Quốc gia từ Cảnh sát Liên bang Úc, Công bố đầy đủ là cần thiết.</p> <p>https://immi.homeaffairs.gov.au/help-support/meeting-ourrequirements/character</p>		
<p>(đối với người đăng kí diện thị thực 309) Nếu đã kết hôn với người bảo trợ, một bản sao có chứng thực của Giấy đăng kí kết hôn.</p>		
<p>(đối với người đăng kí diện thị thực 300) Một lá thư được kí và đề rõ ngày tháng (trên bản tiêu đề thư chính thức) từ người được ủy quyền tổ chức lễ kết hôn tại Úc, chỉ rõ thời gian, địa điểm của kế hoạch lễ kết hôn và xác nhận rằng Thông báo dự định đăng kí kết hôn đã được gửi tới họ.</p>		
<p>(đối với 300 người đăng kí) Bản chứng nhận độc thân, cho thấy người nộp đơn và người bảo trợ có thể được tự do kết hôn.</p>		
<p>Các văn bản tuyên bố có chữ kí của người nộp đơn và người bảo trợ phải bao gồm lịch sử của mối quan hệ (theo thứ tự thời gian), chẳng hạn như:</p> <ul style="list-style-type: none"> • các quý vị gặp nhau lần đầu tiên ở đâu, bao giờ và như thế nào • mối quan hệ của quý vị phát triển như thế nào • các quý vị đã đính hôn/kết hôn khi nào, nếu có • các hoạt động chung • các giai đoạn hai quý vị ly thân/cách xa nhau • các sự kiện quan trọng trong mối quan hệ • kế hoạch chung trong tương lai của hai quý vị 		

<p>Bằng chứng cho thấy hai quý vị cam kết với nhau một mối quan hệ lâu dài. Có thể bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> • hình ảnh và bằng chứng khác về những quãng thời gian hai quý vị dành cho nhau (những kì nghỉ và các dịp khác về xã hội, văn hóa hay tôn giáo); • sự hiểu biết của hai quý vị về nhau trên các khía cạnh như gia cảnh, gia đình; • tài liệu cho thấy hai quý vị đã chia sẻ các vấn đề cá nhân của mình cho đối phương; • bằng chứng cho thấy hai quý vị vẫn duy trì liên lạc ngay cả khi ở xa nhau. <p>Bằng chứng cho thấy mối quan hệ của quý vị được người khác biết đến, ví dụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> • những lời mời chung, đi chơi cùng nhau, có những mối quan hệ chung • bằng chứng rằng quý vị và hôn phu/thê của quý vị đã tuyên bố mối quan hệ của quý vị một cách công khai hoặc với các cơ quan chính phủ, thương mại. • bằng chứng về các hoạt động thể thao, văn hóa hoặc xã hội chung • bằng chứng về du lịch chung. <p>Bằng chứng cho thấy hai quý vị có chia sẻ các trách nhiệm gia đình, ví dụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> • chia sẻ trách nhiệm với con cái • cách sắp xếp cuộc sống chung <p>Bằng chứng về các xử lí tài chính chung, về những việc có liên quan đến hồ sơ đăng kí của quý vị. Có thể bao gồm tài khoản ngân hàng chung, hóa đơn bằng tên của cả hai người, v.v. Nếu người nộp đơn chính đang sống cùng người bảo trợ, bằng chứng về việc sống thử này, chẳng hạn như chi tiết về tạm trú của người bảo trợ tại Việt Nam.</p> <p>Quan trọng: Đĩa CD hoặc DVD chứa ảnh và bằng chứng khác về thời gian quý vị ở bên nhau có thể được chấp nhận. Vui lòng không đưa ảnh vào thẻ nhớ hoặc bất kỳ hình thức truyền thông nào khác.</p> <p>Nếu người bảo trợ hoặc người nộp đơn trước đây đã kết hôn, đính hôn hoặc sống trong một mối quan hệ thực tế:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Tuyên bố bằng văn bản liệt kê tên vợ/chồng cũ của quý vị, ngày sinh, địa chỉ cư trú nơi cả hai quý vị đã sống và thời điểm mối quan hệ của quý vị kết thúc. 		
<p>Nếu người bảo trợ hoặc người nộp đơn đã kết hôn trước đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Bản sao công chứng Đơn xác nhận ly hôn của quý vị <p>Nếu người bảo trợ hoặc người nộp đơn góa phụ/góa vợ:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Bản sao công chứng Giấy chứng tử vợ/chồng cũ của quý vị. 		
<p>Thông tin bổ sung cần thiết: nếu quý vị có con với một công dân Úc</p>		
<p>Con quý vị sẽ được coi là đủ điều kiện đăng kí là công dân Úc theo dòng dõi, nếu vợ/chồng của quý vị là một công dân Úc vào ngày con quý vị được sinh ra. https://immi.homeaffairs.gov.au/citizenship/become-a-citizen/by-descent</p>		

<p>Thông tin bổ sung cần thiết: Dành cho tất cả trẻ em đi Úc dưới 18 tuổi</p>		
<p>Trường hợp cha mẹ không đi Úc hoặc người khác có quyền hợp pháp để quyết định nơi cư trú của đứa trẻ, vui lòng cung cấp:</p> <ul style="list-style-type: none"> Văn bản chấp thuận cho trẻ đi Úc sang Úc từ cha mẹ không đi Úc bằng cách sử dụng mẫu có sẵn trên trang web của chúng tôi https://hcmc.vietnam.embassy.gov.au/files/hchi/Consent%20to%20grant%20an%20Australian%20thi%20thuc%20to%20a%20child%20under%20age%20of%2018%20years.%20En%20v110119.pdf <p>Chữ kí của cha/mẹ không đi Úc trong văn bản chấp thuận phải được xác nhận bởi cơ quan chức năng địa phương/công chứng viên; và</p> <ul style="list-style-type: none"> Bản sao có chứng thực của Chứng minh nhân dân của cha/mẹ không đi Úc; và Đối với trẻ em được nhận nuôi, vui lòng cung cấp 'Quyết định việc nhận nuôi trẻ', bao gồm 'Hồ sơ nhận và giao con nuôi'. <p>Nếu không thể có được sự đồng ý từ cha/mẹ không đi Úc, quý vị sẽ cần cung cấp một lệnh của tòa án tuyên bố rằng cha/mẹ đi Úc có quyền tự nuôi con và được phép đưa đứa trẻ đến Úc.</p>		
<p>Thông tin bổ sung cần thiết: Dành cho tất cả trẻ em đi Úc từ 18 tuổi trở lên</p>		
<p>Mẫu 47A: Chi tiết về Trẻ em hoặc thành viên gia đình phụ thuộc khác từ 18 tuổi trở lên https://immi.homeaffairs.gov.au/form-listing/forms/47a.pdf</p>		
<p>Bảng câu hỏi cho trẻ em phụ thuộc từ 18 tuổi trở lên</p>		
<ul style="list-style-type: none"> Bản chứng nhận độc thân cho trẻ em nữ từ 17 tuổi trở lên; trẻ em nam từ 19 tuổi trở lên; Bảng chứng rằng chúng phụ thuộc tài chính vào người xin thị thực chính về các nhu cầu cơ bản như thực phẩm, nơi ở và quần áo, và sự hỗ trợ tài chính này đã được diễn ra trong bao lâu. Bảng chứng có thể là bao gồm báo cáo ngân hàng, chuyển tiền, biên lai cho thuê, v.v. Bảng chứng về việc đăng kí chương trình học tập hiện tại của chúng, bao gồm hồ sơ trường học và thẻ báo cáo. Nếu đứa trẻ không phải là một học viên toàn thời gian, vui lòng giải thích cho việc không đi học này. Nếu đã tồn tại một khoảng thời gian trống trên 6 tháng, giữa thời điểm tốt nghiệp trung học và các bậc học cao hơn, vui lòng giải thích chi tiết về khoảng thời gian này. Nếu trẻ bị khuyết tật, chúng tôi sẽ mời chúng tham gia kiểm tra y tế tại một trong những phòng khám đã được phê duyệt của chúng tôi để đánh giá mức độ. Chi phí kiểm tra này sẽ được thanh toán bởi người nộp đơn/người bảo trợ. 		